

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ NGHỆ AN
MST: 2900326985



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2021

Nghệ An 2021

MỤC LỤC

Phần I: THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro.

Phần II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình tài chính
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Phần III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA GIÁM ĐỐC

1. Tình hình tài chính
2. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Phần IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc
3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

Phần V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Phần VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo được tài chính kiểm toán

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG**1. Thông tin khái quát**

Tên công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ NGHỆ AN
Tên Tiếng Anh	: NGHỆ AN URBAN ENVIRONMENT AND WORKS JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: URENCONA
Giấy CNĐKKD	: 2900326985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 22 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 09 tháng 08 năm 2018.
Vốn điều lệ	: 36.699.990.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 36.699.990.000 đồng
Địa chỉ	: 360 Đặng Thai Mai, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Số điện thoại	: 02383.899.369
Số Fax	: 02383.899.369
Website	http://moitruongdothinghean.com

*** Quá trình hình thành, phát triển**

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An, tiền thân là Xí nghiệp vệ sinh, được thành lập theo Quyết định số 1204/UBND ngày 10/10/1973 của UBND tỉnh Nghệ An về việc thành lập Xí nghiệp vệ sinh Thành phố Vinh, có trụ sở ban đầu đặt tại số 06 – Đường Mai Hắc Đế - TP. Vinh – Tỉnh Nghệ An. Nay ở số 360 đường Đặng Thai Mai, xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Trải qua nhiều giai đoạn phát triển, công ty đã nhiều lần chuyển đổi mô hình tổ chức, thay đổi tên như :

Năm 1999: Đơn vị chuyển sang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước và có tên gọi là Công ty Vệ sinh môi trường thành phố Vinh.

Năm 2009: Công ty được đổi tên thành Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị thành phố Vinh, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, đơn vị chủ quản là UBND Tỉnh Nghệ An.

Năm 2011: Đổi tên thành Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Nghệ An

Theo Quyết định số 5215/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An., Công ty đã tiến hành bán đấu giá cổ phần tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội (HNX) để thực hiện cổ phần hóa, với kết quả thực hiện bán đấu giá cổ phần như sau:

- + Tổng số lượng cổ phần đưa ra đấu giá: 1.187.369 cổ phần
- + Giá khởi điểm: 10.000 đồng/cổ phần
- + Số lượng cổ phần bán được: 15.000 đồng/cổ phần
- + Giá đấu thành công cao nhất: 10.000 đồng/cổ phần
- + Giá đấu thành công thấp nhất: 10.000 đồng/cổ phần
- + Giá đấu thành công bình quân: 10.000 đồng/cổ phần

Ngày 25/5/2016, Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu với nhiều quyết định quan trọng được thông qua như: Bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thông qua kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh hai năm tiếp theo.

Ngày 02/06/2016, Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900326985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 22/01/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 02 tháng 06 năm 2016, với số vốn điều lệ là 38.585.100.000 đồng. Tuy nhiên, theo quyết định số 5760/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, về việc điều chỉnh vốn điều lệ, vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An, Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 36.699.990.000 đồng. Hiện tại công ty vẫn chưa thay đổi Giấy Đăng ký kinh doanh theo số vốn được điều chỉnh, Công ty sẽ tiến hành thay đổi Giấy Đăng ký kinh doanh trong thời gian tới sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

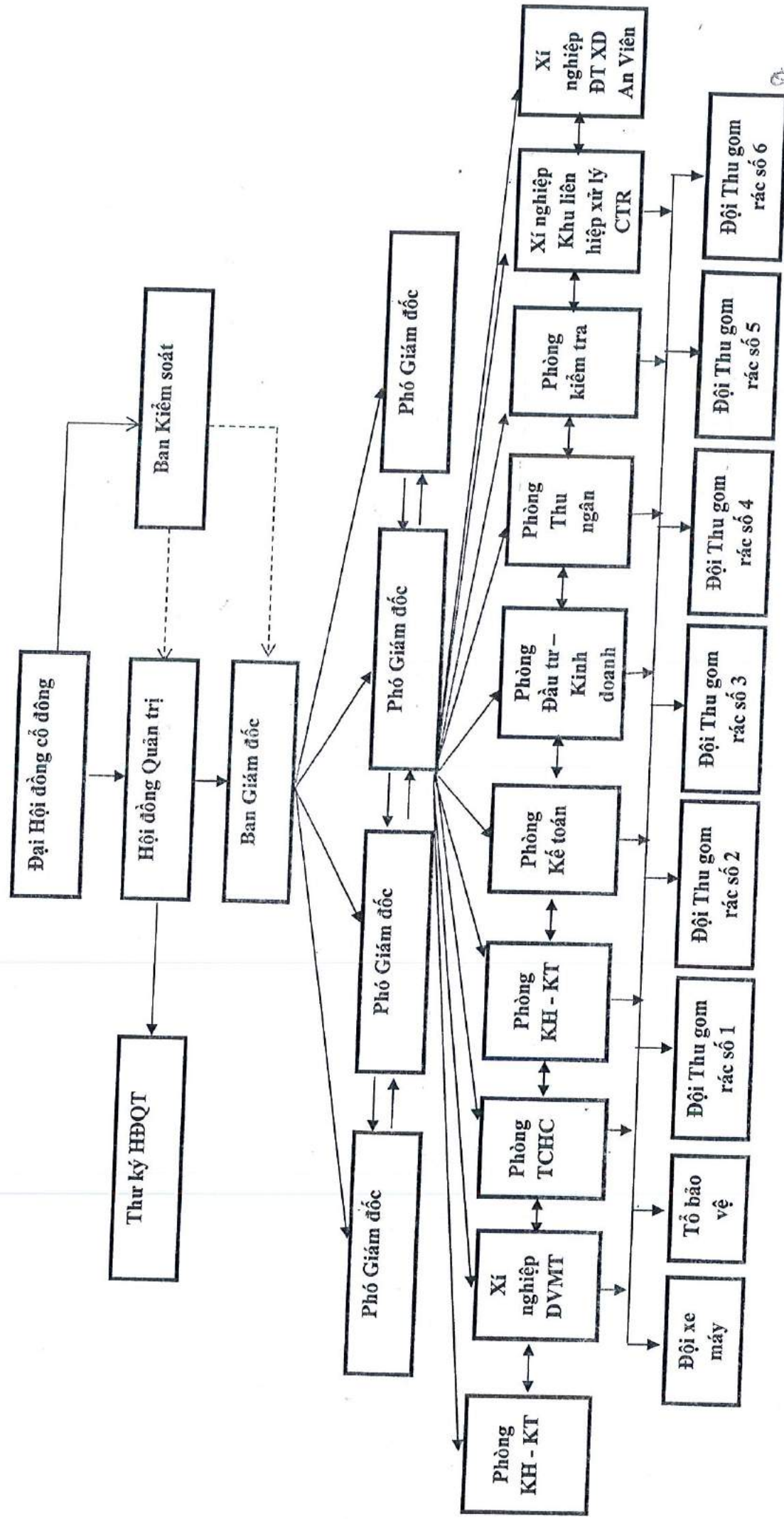
- Quét, thu gom rác đường, hè phố và các nơi công cộng;
- Thu gom rác thải sinh hoạt, xây dựng, công nghiệp cho các cơ quan đơn vị và đến tận các hộ gia đình, hút, thông tắc hầm cầu;
- Bốc và vận chuyển rác về khu xử lý chất thải, tổ chức thu phí vệ sinh và thu gom rác trong khu dân cư;
- Ứng dụng, chế biến phân rác và tái chế chất thải;
- Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp; - Lắp đặt, sửa chữa, nạo vét hệ thống các mương cống thoát nước (bao gồm kênh, mương, cống thoát nước, via hè và nhà vệ sinh);

- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại;
- Tái chế phế liệu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê:
Đầu tư, xây dựng, quản lý, khai thác, vận hành và duy tu bảo dưỡng Nghĩa trang;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ:
 - + Dịch vụ địa táng, hỏa táng, các dịch vụ có liên quan khác;
 - + Bảo quản thi hài, khâm liệm và các dịch vụ chuẩn bị cho địa táng, hỏa táng;
 - + Dịch vụ nhà tang lễ;
 - + Bán đất xây mộ hoặc cho thuê đất đào mộ;
 - + Trông coi nghĩa trang.
- Tư vấn xử lý môi trường
- Xây dựng nhà các loại
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- + Vận tải phế liệu, phế thải, rác thải;
- + Bốc và vận chuyển rác về khu xử lý chất thải.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và L&M

Hình 1: Sơ đồ tổ chức bộ máy CTCP Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An

(Nguồn: CTCP Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An)



❖ Đại hội đồng cổ đông:

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; quyết định sửa đổi bổ sung điều lệ; bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; quyết định tổ chức lại, giải thể công ty cổ phần và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

❖ Hội đồng quản trị:

Là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty cổ phần do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty cổ phần quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty cổ phần, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát hoạt động của Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty cổ phần. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, điều lệ công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty cổ phần, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 thành viên.

❖ Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của cổ đông. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

❖ Ban Giám đốc công ty

Ban giám đốc của CTCP Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An có chức năng trực tiếp quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty, và quy chế phân công nhiệm vụ của các thành viên Ban giám đốc công ty hướng đến các mục tiêu kinh doanh trong từng giai đoạn, tuân thủ các chủ trương, chiến lược, kế hoạch hoạt động do Hội đồng quản trị đưa ra, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

❖ Phòng Tổ chức hành chính

Phòng tổ chức hành chính là bộ phận tham mưu cho HĐQT, Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc công ty xây dựng bộ máy quản lý và lực lượng lao động của Công ty. Tham mưu về việc thực hiện công tác đào tạo, bổ nhiệm đội ngũ cán bộ, tiếp nhận nhân lực mới; xây dựng đơn giá tiền lương, định mức lao động, lập kế hoạch trang bị bảo hộ lao động, phương tiện vật dụng, dụng cụ văn phòng công ty, hướng dẫn kiểm tra chỉ đạo các đơn vị thực hiện chế độ chính sách của Nhà nước và các quy định của Công ty về chế độ lao động, xây dựng chế độ lao động. Phòng có chức năng phối hợp với các đơn vị trực thuộc thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn lao động. Ngoài

ra, phòng có nhiệm vụ đón tiếp khách, phục vụ hội nghị, văn thư, in ấn tài liệu, y tế, bảo vệ, công vụ, điều động xe, và thừa lệnh Giám đốc ký một số văn bản của công ty.

❖ Phòng Kế toán

Phòng Kế toán có chức năng, nhiệm vụ sau đây:

Phòng kế toán có nhiệm vụ chính là tham mưu về công tác tài chính, tổ chức hạch toán, kế toán thống kê, phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo quy định của Luật Kế Toán, Tổng hợp quyết toán trong toàn công ty, báo cáo các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định; Thực hiện nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động, đóng thuế đúng quy định; Thống kê, quản lý tài sản, nguồn vốn doanh nghiệp.

Phòng kế toán tham mưu cho Ban giám đốc về công tác quản lý tài chính, quản lý sử dụng vốn có hiệu quả, bảo toàn và phát triển các nguồn vốn trong phạm vi quản lý của Công ty. Xây dựng, trình Ban Giám đốc công ty phê duyệt các phương án thu, chi cấp phát, điều tiết vốn và thực hiện các quan hệ nộp và thanh toán vốn trong nội bộ cũng như đối với Nhà nước.

❖ Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật

Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật có chức năng, nhiệm vụ sau:

Tham mưu xây dựng kế hoạch sản xuất của công ty, kế hoạch giao khoán định mức nội bộ, bao gồm: Định mức nhân công, định mức nhiên liệu, định mức giao khoán các loại phương tiện máy móc; kinh doanh và thống kê; tổ chức, điều hành hoạt động của công ty trong lĩnh vực công ích;

Lập và theo dõi việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn tài sản cố định, kế hoạch vật tư chủ yếu, kế hoạch sử dụng các nguồn vốn theo kế hoạch hàng năm và dài hạn của Công ty.

❖ Phòng Đầu tư – Kinh doanh

Phòng Đầu tư – Kinh doanh có chức năng, nhiệm vụ sau:

Tham mưu lập các kế hoạch Kinh doanh và triển khai thực hiện các hợp đồng cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường, dịch vụ xây lắp ngoài lĩnh vực đặt hàng.

Quản lý doanh thu, chi phí lĩnh vực kinh doanh do phòng thực hiện; Marketing và chăm sóc khách hàng; Theo dõi công nợ khách hàng;

Tổ chức, tham gia đấu thầu, theo dõi một số hợp đồng kinh tế về giao, nhận thầu các công trình tư vấn, xây lắp, thuê nhà thầu phụ. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật, các chế độ, chính sách của nhà nước trong lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng trong lĩnh vực phát triển dịch vụ công ích.

❖ Xí nghiệp Dịch vụ môi trường

Xí nghiệp dịch vụ môi trường tự chủ trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp, tìm thị trường dịch vụ trong ngành nghề cho phép, phát triển thị trường thu gom, xử lý rác ngoài phạm vi đặt hàng, mở rộng quy mô dịch vụ vệ sinh môi trường ra các huyện, thị và vùng phụ cận ổn định công tác sản xuất dịch vụ và công ăn việc làm cho người lao động. Bảo toàn và phát triển vốn Công ty giao cho Xí nghiệp, Phối hợp với các đội thu gom rác, phối hợp với các đội xe máy, đội thị chính điều phối lao động và thực hiện thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường tránh chồng chéo trong đơn vị.

❖ **Phòng Thu ngân**

Có chức năng tham mưu, lập kế hoạch, phối hợp với các phường xã xác minh lập danh sách nhân khẩu hộ gia đình, hộ kinh doanh, các cơ quan, doanh nghiệp sát với thực tế...trình UBND thành phố Vinh phê duyệt, làm cơ sở để thành phố Vinh giao kế hoạch thu của từng năm theo đúng quy định. Tham mưu bố trí phân địa bàn quản lý cho các chuyên quản. Tổ chức triển khai thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường đến từng đối tượng thu theo danh sách lập bộ đã được Thành phố phê duyệt và theo kế hoạch chỉ tiêu thành phố và Công ty giao.

Phối hợp với phòng Kế toán hợp đồng với công ty in hóa đơn, phiếu thu: Số lượng hóa đơn, phiếu thu căn cứ vào danh sách lập bộ, kế hoạch giao khoán thu, được UBND thành phố Vinh phê duyệt. Tham mưu cho chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty về việc sử dụng nguồn kinh phí phục vụ cho công tác thu giá dịch vụ VSMT, tiền lương và các chế độ khác cho VSV thu gom rác trong khối xóm....trình UBND thành phố Vinh phê duyệt. Tham mưu, đề xuất cho lãnh đạo Công ty các giải pháp, sáng kiến mới phù hợp với nhiệm vụ và nhằm đạt hiệu quả cao trong lập bộ và thu giá dịch vụ VSMT, thu gom rác trong các khối, xóm dân cư.

❖ **Phòng kiểm tra**

Có chức năng tham mưu, giám sát, kiểm tra chất lượng dịch vụ vệ sinh môi trường, an toàn lao động, vệ sinh lao động, chấp hành tốt nội quy quy chế quét rác, dọn vệ sinh hè phố. Kiểm tra các điểm tập kết rác, kiểm tra tình trạng tồn ứ rác, phát sinh ô nhiễm tại các khu tập kết, xử lý rác. Phối hợp các cơ quan, đơn vị trong và ngoài công ty để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

❖ **Xí nghiệp khu liên hiệp xử lý chất thải rắn Nghi Yên**

Vận hành khu liên hiệp theo quy định, có chức năng xử lý chất thải rắn bằng phương pháp chôn lấp.

❖ **Xí nghiệp đầu tư và xây dựng An Viên**

Lập các dự án về đầu tư xây dựng nghĩa trang cát tang trên địa bàn thành phố Vinh và vùng phụ cận; Kinh doanh dịch vụ, đầu tư xây dựng các nghĩa trang cát tang, xây dựng khu lăng mộ cho các dòng họ, hộ gia đình, các dự án di dời nghĩa trang; Chăm sóc, duy tu bảo dưỡng các phần mộ; Trồng, chăm sóc cây xanh trong khuôn viên các khu nghĩa trang đã được xây dựng. 

Nhiệm vụ kế hoạch phải bắt nguồn từ xí nghiệp, Xí nghiệp chủ động đề ra kế hoạch, nhiệm vụ, chỉ tiêu, kế hoạch trình lên HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty xem xét phê duyệt. Trong trường hợp xí nghiệp phải có dự kiến kế hoạch để trình thì HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Giám đốc sẽ xem xét tình hình nhiệm vụ chung, khả năng, điều kiện thực tế của xí nghiệp để ra chỉ tiêu kế hoạch cho Xí nghiệp. Xí nghiệp có nhiệm vụ thực hiện đúng theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, của xí nghiệp; Các nội quy, quy chế, thỏa ước lao động tập thể, các văn bản quy định của công ty, văn bản ủy quyền của chủ tịch HĐQT, giám đốc công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

Các lĩnh vực liên quan đến công tác tài chính kế toán, Xí nghiệp có trách nhiệm phối hợp với phòng kế toán, Kế toán trưởng công ty để tham mưu, báo cáo bằng văn bản thường xuyên cho chủ tịch HĐQT, giám đốc Công ty biết, có ý kiến chỉ đạo kịp thời

❖ Các đơn vị trực thuộc Công ty

Đội thu gom rác: Trực tiếp triển khai lao động thực hiện thu gom rác tại các địa bàn.

Tổ bảo vệ: Thực hiện công tác bảo vệ an ninh trật tự, bảo đảm an toàn tài sản tại trụ sở công ty, các khu tập kết xe, thiết bị của Công ty.

Đội xe máy: Quản lý các xe, máy chuyên dụng và bố trí lao động vận hành.

4. Định hướng phát triển

Ban điều hành công ty đã đề ra chiến lược phát triển dài hạn và bền vững của như sau:

- Toàn bộ chất thải rắn phải được gom và vận chuyển theo quy trình khép kín và các phương tiện có khả năng vận chuyển khối lượng lớn nhằm giảm chi phí và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Thu gom triệt để bằng phương pháp cơ giới hóa kết hợp với thiết bị chuyên dùng, bằng nhiều hình thức linh hoạt phù hợp với địa bàn TP.
- Cơ giới hóa phương tiện thu gom để chuyển lượng rác vào các trạm trung chuyển nằm xa khu dân cư.
- Đẩy mạnh công tác vệ sinh công nghiệp, vệ sinh sau xây dựng, vệ sinh nhà cửa, công sở.
- Xây dựng và vận hành bãi chôn lấp đạt tiêu chuẩn, không gây ô nhiễm nguồn nước và môi trường xung quanh.
- Quy hoạch khu chia rác thải y tế, rác công nghiệp để có phương thức xử lý phù hợp.
- Tận dụng chất thải xây dựng để phủ lấp rác thay thế việc đào thải làm ô nhiễm và ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường.
- Tận dụng nguồn khí Metan phát sinh từ bãi rác tạo năng lượng phục vụ vận hành bãi rác.
- Tăng cường công tác truyền thông cũng đang nhằm cải thiện điều kiện vệ sinh hộ gia đình và tạo điều kiện để có sự phân loại tại nguồn, giảm thiểu lượng rác thải. Q₁

5. Các rủi ro

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, việc chuyển này đồng nghĩa với việc phân chia lại trách nhiệm quản lý, quyền kiểm soát doanh nghiệp và chuyển đổi cơ chế vận hành doanh nghiệp. Điều đó đặt ra yêu cầu nâng cao chất lượng, tư duy quản trị của ban lãnh đạo và trình độ chuyên môn, phong cách làm việc của cán bộ công nhân viên, cũng như cải tiến các quy trình SXKD theo hướng hiệu quả hơn.

Việc giữ vững và phát triển thị phần một số lĩnh vực hoạt động như Vệ sinh môi trường, đầu tư xây dựng dịch vụ nghĩa trang, hút hầm bể phốt sẽ gặp nhiều khó khăn do ngày càng nhiều tổ chức kinh tế doanh nghiệp tư nhân tham gia vào các lĩnh vực này, tạo ra môi trường cạnh tranh gay gắt hơn, nguồn kinh phí đầu tư, đấu thầu, giao kế hoạch đang còn thấp.

PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

- Kinh phí cấp từ UBND Thành phố cho công tác quét thu gom rác: 55.335.269.064 đồng
- Kinh phí cấp cho công tác thu gom rác phường xã: 15.000.000.000 đồng
- Xí nghiệp đầu tư An Viên: 20.151.515.140 đồng
- Xí nghiệp dịch vụ MT: 13.555.550.003 đồng
- Doanh thu hoạt động tài chính: 11.378.600 đồng
- Thu nhập khác: 71.823.032 đồng
- Doanh Thu ngoài: 14.233.744.828 đồng
- Doanh thu khác: 3.186.186.273 đồng

Nộp nghĩa vụ Nhà nước:

- Nộp BHXH: 10.608.000.000 đồng bằng 97,2% so với năm 2020
- Nộp thuế VAT, thuế môn bài, thuế đất: 6.849.024.000 đồng bằng 74% so với năm 2020.
- Kết quả thu tính đến ngày 31/12/2021 đạt: 33.087.650.000 đồng/34.911.306.000 đồng - bằng 94,7% KH giao.
- Chi trả lại cho công tác thu giá và thu gom rác trong khu dân cư năm 2021: 15.000.000.000đồng/15.000.000.000đồng - bằng 100% KH giao.
- Chi trả tiền lương khối, xóm bình quân: 1.887.000 đồng /khối/tháng

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Chí Thông	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 30/07/2020)	Điều hành
2	Phú Văn Phụng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	Điều hành
3	Phạm Văn Dương	Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc, TP TCHC (từ T11/2021 thôi kiêm nhiệm chức vụ TP TCHC)	Điều hành
4	Phạm Quang Dự	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	Điều hành
5	Nguyễn Công Đức	Thành viên HĐQT Kiêm phó giám đốc	Điều hành

Sơ yếu lý lịch của các thành viên HĐQT của công ty như sau:

a. Ông Nguyễn Chí Thông – Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ 30/07/2020)

Họ và tên	NGUYỄN CHÍ THÔNG
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	02/02/1975
Nơi sinh	Khối Minh Phúc, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh NA
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Khối Minh Phúc, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh NA
CMND	182 216 083 cấp ngày 25/08/2006 tại Công an Nghệ An
Điện thoại liên hệ	0918 401 239
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch HĐQT công ty CP môi trường và CTĐT Nghệ An
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có

Quá trình công tác	
3/2000 – 10/2001	Cán bộ trạm khuyến nông Thành phố Vinh, Nghệ An
10/2001 – 8/2002	Chuyên viên phòng thương mại du lịch – UBND TP Vinh
8/2002 – 8/2008	Chuyên viên phòng công nghiệp – thương mại – du lịch – UBND thành phố Vinh
8/2008 – 4/2013	Chuyên viên phòng kinh tế - UBND thành phố Vinh
4/2013 – 7/2020	Phó trưởng phòng kinh tế - UBND thành phố Vinh
30/07/2020 - nay	Chủ tịch HĐQT công ty CP môi trường và CTĐT Nghệ An
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	
- Được ủy quyền đại diện	1.976.669 cổ phần – Tỷ lệ: 53,86%
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

b. Ông Phú Văn Phụng – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Họ và tên	PHÚ VĂN PHỤNG
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	17/8/1969
Nơi sinh	Thanh Lĩnh, Thanh Chương, Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Khối 13, phường Hà Huy Tập, Vinh, Nghệ An
CMND	181 958 214



Điện thoại liên hệ	023 8356 4960
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	TV. HĐQT; Giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác	1987 – 1990 Công nhân Xí nghiệp vệ sinh TP. Vinh 1990 – 2000 Công ty Môi trường đô thị Tp.Vinh 2000 – 2002 Đội trưởng Đội xử lý Đông Vinh, Công ty Môi trường đô thị Tp.Vinh 2002 – 2007 Đội trưởng Đội kiểm tra vệ sinh môi trường – Trưởng phòng Thu phí vệ sinh, Công ty Môi trường đô thị TP.Vinh 2007 – 2009 Trưởng phòng Kiểm tra – Công ty Môi trường đô thị TP.Vinh 2009 – 2010 Trưởng phòng Kiểm tra – Công ty TNHH Môi trường đô thị TP. Vinh 2010 – 2011 Trưởng phòng Kiểm tra – Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Vinh 2011 – 5/2016 Phó Giám đốc Công ty; Giám đốc Xí nghiệp Khu Liên Hiệp xử lý chất thải rắn, Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An. 6/2016 – 30/09/2019 Phó Giám đốc Công ty; Giám đốc Xí nghiệp khu liên hiệp xử lý chất thải rắn, Thành viên HĐQT CTCP Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An. 1/10/2019 - nay Giám đốc Công ty, Thành viên HĐQT CTCP Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	500.015 cổ phần – tỷ lệ: 13,62%
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	5.700 cổ phần – tỷ lệ 0,16%
- Được ủy quyền đại diện (do UBND tỉnh Nghệ An ủy	494.315 cổ phần – tỷ lệ: 13,47%

quyền)	
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Thù lao HĐQT
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

c. Ông Phạm Văn Dương – Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc

Họ và tên	PHẠM VĂN DƯƠNG
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	16/10/1968
Nơi sinh	Nghi Mỹ - Nghi Lộc – Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Khối 9, Phường Hà Huy Tập, Vinh, Nghệ An
CMND	181958240
Điện thoại liên hệ	023 8356 4960
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Đại học Tài chính – Kế toán
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT; Phó giám đốc công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác	
03/1986 – 09/1988	Bộ đội C41, D4, E88, F308
12/1988 – 03/1990	Nhân viên Xí nghiệp vệ sinh thành phố Vinh
03/1990 – 12/1990	Cán bộ Công ty Môi trường đô thị thành phố Vinh
01/2010 – 12/2010	Cán bộ Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Vinh
01/2011 – 5/2016	Cán bộ Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An

6/2016 – 11/2019	Trưởng phòng Tổ chức hành chính, thành viên Hội đồng quản trị, CTCP Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An.
12/2019 - nay	Phó giám đốc công ty, thành viên HĐQT.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	5.900 cổ phần – Tỷ lệ: 0,16%
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	5.900 cổ phần – Tỷ lệ: 0,16%
- Được ủy quyền đại diện	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Thù lao HĐQT
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

d. Ông Phạm Quang Dự – Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Họ và tên	PHẠM QUANG DỰ
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	27/10/1969
Nơi sinh	Kỳ Sơn – Hòa Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số 24, đường Thành Thái, P. Hưng Phúc, Vinh
CMND	186 542 501
Điện thoại liên hệ	023 8356 4960
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Học viện Tài chính
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT; Kế toán trưởng Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ	Không có

chức khác	
Quá trình công tác	
10/1989 - 1990	Công nhân Đội Thị chính – Xí nghiệp vệ sinh.
1990 – 03/2002	Công nhân Đội thị chính – Công ty Môi trường đô thị Tp. Vinh
04/2002 – 5/2009	Đội phó Đội Xe máy – Công ty Môi trường đô thị TP. Vinh.
01/6/2009 – 2010	Phó phòng Kế toán – Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TP. Vinh
2010 – 2011	Phó phòng kế toán – Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Vinh
2011 – 2014	Phó phòng kế toán – Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An
01/1/2015 – 6/2016	Kế toán trưởng – Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Nghệ An
02/6/2016 – Nay	Kế toán trưởng, thành viên HĐQT – Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	503.915 cổ phần – tỷ lệ: 13,73%
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	9.600 cổ phần – tỷ lệ: 0,26%
- Được ủy quyền đại diện (do UBND tỉnh Nghệ An ủy quyền)	494.315 cổ phần – tỷ lệ: 13,47%
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Thù lao HĐQT
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

e. Ông Nguyễn Công Đức – Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc Công ty

Họ và tên	NGUYỄN CÔNG ĐỨC
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	21/4/1977
Nơi sinh	Vinh, Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Khối 14, phường Trường Thi, Vinh, Nghệ An.
CMND	186 246 801
Điện thoại liên hệ	023 8356 4960
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị KD
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT, Phó giám đốc công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác	2002 – 2009 2009 – 2010 2010 – 2011 2011 – 5/2016 6/2016 – 10/2018 11/2018 - nay CBCNV Công ty Môi trường đô thị thành phố Vinh CBCNV Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TP. Vinh CBCNV Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Vinh, CBCNV Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Nghệ An; Trưởng phòng KHKT, thành viên Hội đồng quản trị CTCP Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An. Phó giám đốc Công ty, thành viên Hội đồng quản trị CTCP Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	3.000 cổ phần – tỷ lệ: 0,08%
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	3.000 cổ phần – tỷ lệ: 0,08%
- Được ủy quyền đại diện	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không

Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Thù lao HĐQT
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

Số lượng cán bộ, nhân viên: đến tại thời điểm ngày 31/12/2021 tổng số lao động của công ty (bao gồm cả 2 xí nghiệp và vệ sinh viên) là 539 người.

Bảng 1: Cơ cấu lao động công ty tại ngày 31/12/2021

Stt	Nội dung	Số lao động (người)
1	Lao động có trình độ đại học và trên đại học	90
2	Lao động có trình độ cao đẳng, trung cấp	55
3	Lao động đã được đào tạo qua các trường công nhân, kỹ thuật, dạy nghề.	77
4	Số lao động chưa qua đào tạo	317
	Tổng số lao động	539

(Nguồn: Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An)

❖ Chính sách đối với người lao động:

- Mức lương bình quân cho người lao động toàn công ty năm 2021 là: 7.340.000 đồng/người/tháng.
- Thời gian làm việc từ thứ hai đến thứ bảy theo giờ hành chính (08h/ngày).
- Chính sách lương, thưởng của Công ty theo các quy định hiện hành.

3. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Bảng 2: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1. Tổng giá trị tài sản	170.077.441.329	173.708.845.069	
2. Doanh thu thuần	94.516.179.770	121.461.235.191	
3. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(196.332.874)	1.039.063.585	
4. Lợi nhuận khác	894.612.200	(232.517.989)	
5. Lợi nhuận trước thuế	698.279.326	806.545.596	
6. Lợi nhuận sau thuế	600.520.220	645.236.477	
7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	106.36	114.28	

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 của CTCP Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An)

(*) Công ty hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 02/06/2016 do vậy không so sánh tăng giảm do kỳ kế toán không đồng nhất,

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.3	1.004	
Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn	1.3	1.004	
+ Hệ số thanh toán nhanh	0.54	0.59	
<u>Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho</u>	0.54	0.59	
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0.301	0.325	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0.393	0.482	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	4.746	8.751	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho	4.746	8.751	

bình quân			
+ Vòng quay tổng tài sản	1.111	1.398	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	1.111	1.398	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.006	0.005	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.005	0.005	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.004	0.004	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(0.002)	0.008	

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a. *Cổ phần*: Tổng số cổ phần là 3.669.999 và loại cổ phần đang lưu hành bao gồm cổ phần ưu đãi, cổ phần cam kết và cổ phần phổ thông

b. *Cơ cấu cổ đông*: Đại diện phần vốn nhà nước: 2.965.299 CP

Cổ phần ưu đãi: 342.100 CP

Cổ phần cam kết: 347.600 CP

Cổ phần phổ thông: 15.000 CP

c. *Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu*: trong năm 2021 không có sự thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu.

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

5.1. Tác động lên môi trường

Công ty đã kịp thời khắc phục và xử lý về việc ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước từ việc xử lý rác thải. Sử dụng các chế phẩm xử lý rác thải nhằm hạn chế việc ô nhiễm.

Thường xuyên tuyên truyền về việc bảo vệ môi trường xanh – sạch – đẹp.

Tổ chức các ngày chủ nhật xanh.

Luôn tuân thủ các pháp luật về bảo vệ môi trường.

5.2. Chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tổng số CBCNV: 539 người

Mức lương trung bình: 7.340.000đ/người/tháng

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Căn cứ vào bảng lương do Nhà nước và Công ty quy định.
- Thực hiện trả lương, trả thưởng theo mức độ hoàn thành, mức độ phức tạp của công việc và theo khoán sản phẩm
- Thực hiện đóng BHXH, BHYT, mua BHTN cho người lao động theo chế độ, chính sách Nhà nước và Công ty.
- Thực hiện vệ sinh, an toàn lao động, trang bị Bảo hộ lao động cho người lao động
- Thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ khác với người lao động theo quy định của Nhà nước và Công ty.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

Thực hiện định hướng sau cổ phần hóa, Công ty chú trọng đào tạo, đào tạo lại cán bộ quản lý, nghiệp vụ, phương châm đào tạo tại chỗ, khuyến khích người lao động tự trau dồi kiến thức để phù hợp với nhu cầu tại Công ty sau cổ phần hóa. Tăng cường đào tạo về chuyên môn, thái độ, phong cách làm việc nhằm nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ cho toàn thể CBCNV Công ty

Công tác tuyển dụng lao động: xây dựng cụ thể quy chế tuyển dụng, kế hoạch bồi dưỡng đào tạo nguồn nhân lực trẻ gắn đào tạo cơ bản với tăng cường công tác đào tạo tại chỗ

Ưu tiên tuyển dụng công nhân có tay nghề bậc cao, công nhân đã đào tạo vào làm việc được ngay, trường hợp không có, mới tuyển dụng lao động phổ thông (có bằng tốt nghiệp phổ thông trung học).

PHẦN III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Ban giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của Công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm thiết bị:

- Đầu tư xây dựng cơ bản:

+ Tháng 02/2021, tiến hành đầu tư xây dựng trạm xử lý nước rỉ rác, đến nay phần xây dựng cơ bản đã hoàn thành xong, đang tiến hành lắp đặt các thiết bị, dự kiến đầu quý I/2022 sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng.

+ Công ty đầu tư mua 100 tấm đan làm đường cho xe vận chuyển rác đi lên bãi rác; làm đường giao thông nội bộ từ cổng chính vào các ô chôn lấp; nâng cấp cải tạo đường, bờ rào ô 2B, 3A, 3B; sửa chữa nhà điều hành, trạm cân và lắp đặt hệ thống camera giám sát phục vụ công việc tại Khu liên hợp Nghi Yên – Nghi Lộc.

+ Khu nghĩa trang cát táng tại xã Nghi kim và nghĩa trang Cồn Túc xã Nghi Liên đã hoàn thiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật và đưa vào khai thác sử dụng góp phần tích cực trong việc di dời phần mộ của các công trình ở các dự án trọng điểm và nhu cầu của người dân trong Thành phố. Dự án nghĩa trang Cồn Vàng – xã Nghi Kim giai đoạn 2 đã có ý kiến của Sở Xây dựng, ý kiến của Bộ Nông nghiệp và đang chờ ý kiến của Bộ Tài chính. Dự án nghĩa trang Cồn Túc-Nghi Kim mở rộng, đã được UBND Tỉnh đồng ý chủ trương, được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch và đang trình các cấp thẩm quyền để được giao đất.

+ Hoàn thành việc đầu tư xây dựng nhà làm việc 2 tầng phục vụ cho nhu cầu phòng làm việc của Công ty.

+ Nâng cấp cải tạo nhà làm việc 03 tầng, rải thảm sân, sửa sang khuôn viên, tạo cảnh quan khang trang, sạch đẹp.

+ Xây dựng căng tin, nhà bếp phục vụ nhu cầu ăn uống của người lao động.

- Đầu tư trang thiết bị:

+ Mua sắm 17 xe và máy (trong đó: Mua 01 máy đào, 01 máy xúc lật đa năng, 01 máy ủi, 01 xe ISUZU 12 tấn, 11 xe THACO loại nhỏ, 01 xe ô tô phun nước rửa đường, 01 xe ô tô HINO 7,35 tấn 37C – 07467).

+ Cải tạo 05 xe máy: 37S – 3821; 37S – 1901; 37S -2975; 37S – 6918; 37V – 1636.

+ Mua sắm 02 máy bơm công suất lớn phục vụ công tác phòng chống chữa cháy.

+ Ngoài công việc đầu tư mua sắm mới, trong năm qua Tổ cơ khí đã đóng mới và sửa chữa được hơn 400 xe gom rác; sửa chữa, đóng mới thùng xe ô tô để phù hợp với giấy chuyển sản xuất.

Trong năm 2021, tổng kinh phí đầu tư mua sắm TSCĐ và sửa chữa gần 15.000.000.000đ (Bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng chẵn).

Tình hình tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2021 được thể hiện ở bảng sau

Bảng 3: Tình hình tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2021

Đơn vị: Đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/NG
1. TSCĐ hữu hình			
Nhà cửa và vật kiến trúc	111.521.165.689	96.419.574.432	86%
Máy móc thiết bị	-	-	-
Phương tiện vận tải	42.646.023.619	15.932.173.098	37%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.118.827.592	468.043.014	42%
Tài sản cố định khác	-	-	-
2. TSCĐ vô hình			

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 của CTCP Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An)

b, Tình hình nợ phải trả

Bảng 4: Chi tiết các khoản phải trả

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
I	Nợ ngắn hạn	29.013.385.209	46.556.560.281	54.993.506.234
1	Phải trả cho người bán ngắn hạn	52.800.000	32.000.0000	4.019.311.647
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	146.424.530	211.450.205	252.900.430
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.181.593.407	2.991.147.688	2.777.144.648
4	Phải trả người lao động	(6.432.497.121)	(6.220.148.066)	(686.578.564)
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	2.984.667.632	3.946.540.251	1.351.806.719
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	-	-
7	Phải trả ngắn hạn khác	24.673.154.245	44.644.226.609	46.996.744.994
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	6.220.000.000	730.000.000	-

9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	187.242.516	221.343.593	282.176.360
II	Nợ dài hạn	12.232.000.000	3.296.761.900	1.473.424.662
	Phải trả dài hạn	92.000.000	92.000.000	93.000.000
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12.140.000.000	3.204.761.900	1.380.424.662
	Tổng nợ phải trả	41.245.385.209	49.853.322.181	56.466.930.896

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020, 2021 của CTCP Môi trường và CTĐT Nghệ An)

2. Giải trình của ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

- Như đã nêu trong Thuyết minh 5.11 của BCTC, Công ty đã ghi nhận thiếu chi phí tiền lương phải trả cho người lao động trong BCTC của các năm tài chính trước năm 2021. Nếu ghi nhận đầy đủ chi phí tiền lương phải trả người lao động thì khoản mục phải trả người lao động trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021 tăng 3.300.000.000 đồng và khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại cùng thời điểm giảm số tiền tương ứng. Đồng thời trong năm 2021, Công ty hạch toán chi phí tiền lương phải trả người lao động phát sinh trước năm 2021 về kết quả kinh doanh trong năm tài chính 2021 là 3.526.000.000 đồng. Nếu Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố theo đúng quy định hiện hành thì khoản mục Lợi nhuận kế toán trước thuế trong Báo cáo kết quả kinh doanh sẽ tăng với số tiền tương ứng

Nguyên nhân của việc trích thiếu chi phí tiền lương do:

1. Các năm trước 2021 tiền lương trích thiếu với nguyên nhân:

- Hoạt động quét, gom rác đường phố bằng thủ công có hiệu quả thấp
- Dự toán đặt hàng công tác vệ sinh môi trường hàng năm UBND thành phố Vinh phê duyệt đều bị giảm giá đặt hàng từ 15% - 20%.

2. Trong công tác sản xuất công ty chưa áp dụng được nhiều về cơ giới hóa còn sử dụng lao động thủ công đòi hỏi số lượng lao động công ty rất lớn, nên làm tăng chi phí tiền lương trong khi dự toán đặt hàng bị giảm giá nhiều.

3. Năm 2021 nhờ có sự cố gắng nỗ lực của Ban lãnh đạo nói chung, toàn công ty nói riêng, doanh thu năm 2021 của công ty tăng. Do đó công ty đã trích bù đắp quỹ lương của các năm trước được 3.526.000.000 đồng quỹ tiền lương, nhưng vẫn còn thiếu khoảng 3.300.000.000 đồng.

- Như được trình bày tại Thuyết minh 6.1 và 6.2, Công ty đang hạch toán giá vốn của hoạt động chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân là 16.347.833.292 đồng tương đương khoảng 80%

doanh thu đã ghi nhận với số tiền là 20.150.485.023 đồng. Trên cơ sở bằng chứng kiểm toán đã thu thập, chúng tôi chưa đủ cơ sở để cho rằng ước tính trên là hợp lý.

Theo quyết định giao đất, các công trình nghĩa trang Công ty xây dựng hạ tầng nhằm phục vụ công tác di dời mồ mả cho các dự án trên địa bàn Thành phố Vinh. Đến thời điểm 31/12/2021, các dự án nghĩa trang vẫn đang dở dang, bên cạnh đó, tại ngày 31/12/2021 Công ty chưa thống kê được diện tích của nghĩa trang sử dụng có thu tiền và diện tích không thu được tiền (diện tích cho các ngôi mộ vô chủ). Vì vậy, giá vốn tương ứng với doanh thu chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân đang được tạm ước tính là khoảng 80% doanh thu đã ghi nhận.

Vậy chúng tôi làm văn bản này kính trình Sở giao dịch chứng khoán Nhà Nước xem xét tạo điều kiện để Công ty hoàn thành tốt các báo cáo liên quan.

PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty, trong đó có liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Chính thức hoạt động dưới mô hình doanh nghiệp từ đầu năm 2010, Công ty Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An và bây giờ là CTCP Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An là doanh nghiệp đầu ngành trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ công về vệ sinh môi trường, thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường, cảnh quan đô thị tại tỉnh Nghệ An với địa bàn hoạt động chính là thành phố Vinh và vùng phụ cận.

Lĩnh vực hoạt động chính mà công ty cung cấp là hoạt động dịch vụ, chủ yếu là hoạt động dịch vụ vệ sinh môi trường, thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường, cảnh quan đô thị, đây là một lĩnh vực kinh doanh đặc thù khi nền kinh tế đang phát triển, các giai đoạn trước, khi chưa có chủ trương về đổi mới, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước thì hoạt động này chủ yếu là do các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp 100% vốn nhà nước vận hành, với mục tiêu chính là hiệu quả xã hội, không vì mục tiêu lợi nhuận. Sau khi cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực này, nhà nước vẫn phải nắm giữ cổ phần chi phối để đảm bảo mục tiêu chính của doanh nghiệp là dịch vụ công ích, đảm bảo hiệu quả xã hội. Công ty có nhiều lợi thế và điều kiện để có thể đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh và mang lại nhiều giá trị kinh tế - xã hội cho chủ sở hữu.

Việc chuyển sang mô hình công ty cổ phần sẽ giúp Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Nghệ An phát huy mạnh mẽ tính tự chủ trong hoạt động kinh doanh, mở rộng mạng lưới hoạt động, đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ công ích.

Cán bộ công nhân viên trong Công ty sẽ có trách nhiệm nỗ lực và sáng tạo nhiều hơn trong lao động, không chỉ thúc đẩy hiệu quả SXKD mà còn tạo văn hóa doanh nghiệp lành mạnh, năng động.

Phát huy những thành quả và bài học kinh nghiệm, Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Nghệ An sẽ tạo nên một mô hình kinh doanh mới, một diện mạo mới về hiệu quả kinh doanh và trở thành một doanh nghiệp có năng lực thực sự và đáp ứng tối đa nhu cầu của xã hội và quý khách hàng.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc công ty

HĐQT luôn theo dõi sâu sát các hoạt động của Ban điều hành, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành của Ban Giám đốc.

HĐQT sử dụng bộ máy tham mưu giúp việc tại Công ty để thường xuyên cập nhật tình hình hoạt động của các đội, xí nghiệp trên cơ sở đó kiểm tra, giám sát đối với Giám đốc trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, các Quy chế của Công ty và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Tại các cuộc họp HĐQT, Giám đốc thường xuyên báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các thành viên HĐQT đã phối, kết hợp với Ban Giám đốc Công ty trong việc điều hành thực hiện các Nghị quyết của HĐQT.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Với sự phát triển các khu công nghiệp, khu dân cư, ngành kinh doanh dịch vụ vệ sinh môi trường cần được thực hiện từng bước chắc chắn để trở thành những ngành phục vụ dịch vụ công ích gắn với lợi ích kinh tế quan trọng. Trong những năm tới, nhịp độ tăng trưởng về quy mô kinh tế sẽ được đẩy nhanh, nhu cầu vệ sinh môi trường, đặc biệt là tại khu vực đô thị, dân cư đông đúc tăng cao nên công tác quản lý và cung cấp các dịch vụ công ích tiếp tục là một ngành nhiều tiềm năng phát triển.

Tốc độ tăng trưởng dân số tại đô thị cùng với tốc độ đô thị hóa cao tạo ra nhu cầu lớn về xây dựng các công trình kết cấu cơ sở hạ tầng, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống thu gom, xử lý rác thải, nước thải và các nhu cầu dịch vụ công khác. Do đó, trong thời gian tới, công ty có thể mở rộng hoạt động kinh doanh sang lĩnh vực xây dựng công trình, kết cấu hạ tầng đô thị.

Tầm nhìn đến năm 2025, phát triển ngành Công nghiệp môi trường thành một ngành kinh tế công ích có đóng góp quan trọng trong cơ cấu phát triển ngành công nghiệp Việt Nam; phát triển các doanh nghiệp Công nghiệp môi trường, các tổ chức nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ cao về môi trường xử lý vệ sinh môi trường có khả năng giải quyết có hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ môi trường, sử dụng bền vững tài nguyên.

Công ty chú trọng việc kêu gọi các tổ chức trong và ngoài nước tham gia đầu tư vào các lĩnh vực về môi trường.

- Thông qua liên doanh đầu tư dự án nhà máy xử lý rác thải nguy hại, xử lý chất thải công nghiệp, tiến tới xây dựng khu liên hợp xử lý rác thải bền vững.

- Thông qua nguồn hỗ trợ của các chính phủ đặc biệt là của Nhật Bản để đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải phát điện, làm phân bón.

- Quản lý hiệu quả chất thải rắn của thành phố bằng việc:

- Triển khai dự án phân loại rác tại nguồn nhằm tái chế, sử dụng và giảm thiểu rác thải tại các đường nội thành dựa trên kinh nghiệm của các nước Nhật Bản, Thái Lan, Malaysia.
- Đầu tư trang thiết bị và cơ sở hạ tầng nâng cao năng lực quản lý, thu gom vận chuyển rác thải các Tỉnh, các huyện phụ cận.
- Đầu tư hệ thống xử lý nước rỉ rác ở bãi rác đạt tiêu chuẩn thải Việt Nam
- Đầu tư thêm phương tiện, trang thiết bị để phục vụ cho việc vệ sinh công nghiệp.
- Đầu tư và mở rộng quy mô về dịch vụ nghĩa trang cát táng.

PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Hội đồng quản trị của CTCP Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An gồm 05 thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Chí Thông	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 30/07/2020)	Điều hành
2	Phú Văn Phụng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	Điều hành
3	Phạm Văn Dương	Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc, trưởng phòng tổ chức hành chính	Điều hành
4	Phạm Quang Dự	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	Điều hành
5	Nguyễn Công Đức	Thành viên HĐQT Kiêm phó giám đốc	Điều hành

b. Hoạt động của Hội đồng quản trị

HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo thể hiện qua các nghị quyết của HĐQT. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của công ty. *Đ*

HĐQT giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

2. Ban kiểm soát.

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	Trưởng ban Kiểm soát
2	Hoàng Nghĩa Chiến	Thành viên Ban kiểm soát
3	Lê Thị Tuyết Dung	Thành viên Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thủy – Trưởng Ban Kiểm Soát

Họ và tên	NGUYỄN THỊ NGỌC THỦY
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	11/12/1975
Nơi sinh	Xã Phúc Sơn – huyện Anh Sơn – tỉnh Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Khối 15 – phường Lê Lợi – TP Vinh – Nghệ An
CCCD	040175004481
Điện thoại liên hệ	0915 687 884
Trình độ chuyên môn	Đại học
Chức vụ hiện nay	Trưởng ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	
Quá trình công tác	
Từ 01/1996 – 04/1997	Công nhân công ty TNHH MTV môi trường đô thị Nghệ An
Từ 05/1997 – 04/2012	Văn Thư công ty TNHH MTV môi trường đô thị Nghệ An
Từ 05/2012 – 04/2016	Nhân viên phòng đầu tư kinh doanh
Từ 05/2016 – 2/2020	Nhân viên xí nghiệp đầu tư và xây dựng An Viên

Từ 03/2020 – 09/2021	Nhân viên phòng đầu tư kinh doanh
Từ 10/2021 - nay	Trưởng ban kiểm soát
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	3.900 cổ phần – tỷ lệ 0.11%
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	3.900 cổ phần – tỷ lệ 0.11%
- Được ủy quyền đại diện	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Thù lao Ban kiểm soát
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

Bà Lê Thị Tuyết Dung –Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	LÊ THỊ TUYẾT DUNG
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	03/2/1987
Nơi sinh	Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Khối 1, phường Trung Đô, Vinh, Nghệ An
CMND	186 442 303
Điện thoại liên hệ	023 8356 4960
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán - Đại học Thương Mại
Chức vụ hiện nay	Phó phòng Thu ngân, thành viên ban kiểm soát



Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác 6/2009 – đến 2010 2010 – 2011 2011 – 6/2016 6/2016 – nay	Nhân viên Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TP. Vinh Nhân viên Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Vinh Nhân viên Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Nghệ An Phó phòng thu ngân, thành viên Ban kiểm soát CTCP Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	2.100 cổ phần – tỷ lệ: 0,06%
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	2.100 cổ phần – tỷ lệ: 0,06%
- Được ủy quyền đại diện	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Thù lao Ban kiểm soát
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

Ông Hoàng Nghĩa Chiến – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	HOÀNG NGHĨA CHIẾN
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	19/03/1984
Nơi sinh	Hung Lĩnh, Hưng Nguyên, Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam



Địa chỉ thường trú	Khối 7 Thị Trấn Hưng Nguyên, Nghệ An
CMND	186 493 228
Điện thoại liên hệ	0986 220 882
Trình độ chuyên môn	Đại học
Chức vụ hiện nay	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	
2009 – 2019	Nhân viên phòng kinh tế công ty thoát nước và PTĐT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
2019 – nay	Nhân viên xí nghiệp dịch vụ môi trường - Công ty CP môi trường và CTĐT Nghệ An
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	Không
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	
- Được ủy quyền đại diện	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Thù lao Ban kiểm soát
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

b. Hoạt động của ban kiểm soát

Ban kiểm soát có trách nhiệm và quyền giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc, Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành công ty, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính để đảm bảo tính trung thực, hợp pháp và hệ thống, nhất quán. Trong trường hợp phát hiện có hành vi vi phạm của người quản lý công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng

quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Ban Kiểm soát có trách nhiệm tiến hành thẩm định các báo cáo về tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính của công ty, các báo cáo đánh giá về công tác quản lý của Hội đồng quản trị để từ đó trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông. Tiến hành kiểm tra, rà soát và đánh giá hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro, cảnh báo của công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

Lương, thưởng thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Phụ cấp của Hội đồng quản trị:

Tổng số tiền trả cho từng thành viên HĐQT bao gồm tiền lương, thù lao, tiền thưởng, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty

Phú Văn Phụng: 4.618.000đ/ 1 quý

Phạm Văn Dương: 4.618.000đ/ 1 quý

Phạm Quang Dự: 4.618.000đ/ 1 quý

Nguyễn Công Đức: 4.618.000đ/ 1 quý

Phụ cấp của Ban kiểm soát:

Tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm do Ban kiểm soát xây dựng trên cơ sở kế hoạch hoạt động được Đại hội đồng cổ đông quyết định

Nguyễn Thị Ngọc Thùy: 3.087.000đ/ 1 quý

Hoàng Nghĩa Chiến: 2.050.000đ/ 1 quý

Lê Thị Tuyết Dung: 2.050.000đ/ 1 quý

PHẦN VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với

chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021 VND	01/01/2021 VN
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		55.229.276.311	57.848.940.103
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.692.709.563	6.669.885.523
1. Tiền	111	5.1	7.692.709.563	6.669.885.523
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
III. Các khoản phải thu	130		20.990.565.487	15.980.258.436
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	6.501.520.100	6.001.400.199
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.690.000.000	5.750.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	13.121.474.387	4.551.287.237
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(322.429.000)	(322.429.000)
IV. Hàng tồn kho	140		23.007.081.346	32.854.849.271
1. Hàng tồn kho	141	5.6	23.007.081.346	32.854.849.271
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.538.919.915	2.343.946.873
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	-	2.404.207.455
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	(4.213.382)
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		3.664.000.115	69.033.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		(125.080.200)	(125.080.200)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+260)	200		118.479.568.758	112.228.501.226
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		281.280.938	-
1. Phải thu dài hạn khác	216		281.280.938	-
II. Tài sản cố định	220		112.819.790.544	106.117.447.752
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	112.819.790.544	106.117.447.752
- Nguyên giá	222		155.286.016.900	141.156.534.929
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.466.226.356)	(35.039.087.177)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		235.247.158	235.247.158
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		235.247.158	235.247.158
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.143.250.118	5.875.806.316
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	5.143.250.118	5.875.806.316
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		173.708.845.069	170.077.441.329

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		56.466.930.896	49.853.322.181
I. Nợ ngắn hạn	310		54.993.506.234	46.556.560.281
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	4.019.311.647	32.000.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		252.900.430	211.450.205
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	2.777.144.648	2.991.147.688
4. Phải trả người lao động	314	5.11	(686.578.564)	(6.220.148.066)
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	1.351.806.719	3.946.540.251
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	46.996.744.994	44.644.226.609
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	-	730.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		282.176.360	221.343.593
II. Nợ dài hạn	330		1.473.424.662	3.296.761.900
1. Phải trả dài hạn khác	337		93.000.000	92.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	1.380.424.662	3.204.761.900
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		117.241.914.172	120.224.119.148
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	37.457.719.098	37.338.575.497
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		36.699.990.000	36.699.990.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		435.110.860	338.325.387
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421		322.618.238	300.260.110
- Lợi nhuận chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		-	300.260.110
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		322.618.238	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		79.784.195.075	82.885.543.651
1. Nguồn kinh phí	431		-	(917.770.832)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	5.16	79.784.195.075	83.803.314.483
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		173.708.845.069	170.077.441.329

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	121.461.235.191	94.516.179.770
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		121.461.235.191	94.516.179.770
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	100.668.526.898	78.385.553.782
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		20.792.708.293	16.130.625.988
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	12.408.717	13.214.994
7. Chi phí tài chính	22	6.4	219.470.559	430.317.169
- Trong đó: Chi phí lãi vay			219.470.559	430.317.169
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	19.546.582.866	15.909.856.687
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-26}	30		1.039.063.585	(196.332.874)
11. Thu nhập khác	31	6.6	71.823.032	907.012.200
12. Chi phí khác	32	6.7	304.341.021	12.400.000
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(232.517.989)	894.612.200
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		806.545.596	698.279.326
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.8	161.309.119	97.759.106
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		645.236.477	600.520.220
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	114,28	106,36

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		806.545.596	698.279.326
2 Điều chỉnh cho các khoản			3.627.490.330	3.391.941.377
- Khấu hao TSCĐ	02		3.408.019.771	2.961.624.208
- Chi phí lãi vay	06		219.470.559	430.317.169
3 Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		4.434.035.926	4.090.220.703
- Tăng giảm các khoản phải thu	09		(8.886.555.104)	(697.178.996)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		9.847.767.925	(32.679.684.455)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay thuế thu nhập phải nộp)	11		9.005.636.834	22.935.415.966
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.136.763.653	7.650.850.518
- Tiền lãi vay đã trả	14		(219.470.559)	(430.317.169)
- Thuế thu nhập đã nộp	15		(80.759.105)	(118.119.397)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		836.814.962	18.819.147.291
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17			(100.928.343)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18.074.234.532	19.469.406.118
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(14.509.481.971)	(1.490.354.546)
2 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.408.717	13.214.994
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.497.073.254)	(1.477.139.552)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		990.000.000	1.600.000.000
2 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.544.337.238)	(16.025.238.100)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.554.337.238)	(14.425.238.100)
Lưu chuyển thuần trong năm	50		1.022.824.040	3.567.028.466
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		6.669.885.523	3.102.857.057
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	7.692.709.563	6.669.885.523

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An, được cổ phần hóa theo quyết định số 3073/Q-UBND ngày 3 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2900326985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 02/6/2016; đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 14/7/2021.

Vốn điều lệ Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 14/7/2021 là 36.699.990.000 VND (Bằng chữ: Ba mươi sáu tỷ, sáu trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán Upcom với mã chứng khoán là NAU.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: tại số 360, đường Đặng Thai Mai, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Tổng lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 515 người (tại ngày 31/12/2020 là 545 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh

- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác (Quét thu gom rác đường, hè phố và các nơi công cộng thu gom rác thải: sinh hoạt, xây dựng, công nghiệp, cho các cơ quan đơn vị và đến tận các hộ gia đình, hút, thông tắc hầm cầu);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa phân vào đâu (Bốc và vận chuyển rác về khu xử lý chất thải, tổ chức thu phí vệ sinh và thu gom rác trong khu dân cư;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác; Thu gom rác thải không độc hại; Thu gom rác thải độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Tái chế phế liệu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Đầu tư, xây dựng, quản lý, khai thác, vận hành và duy tu bảo dưỡng nghĩa trang); Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ;
- Tư vấn xử lý môi trường.

Hoạt động chính của công ty trong năm là: Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác (Quét thu gom rác đường, hè phố và các nơi công cộng thu gom rác thải: sinh hoạt, xây dựng, công nghiệp, cho các cơ quan đơn vị và đến tận các hộ gia đình, hút, thông tắc hầm cầu).

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được. ĐW

2. KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

2.1 Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Phương tiện vận tải và truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm: Công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và chi phí khác.

Công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước (Tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân

- Công trình nghĩa trang đã hoàn thành và chuyển giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng phần mộ cá nhân cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch chuyển quyền sử dụng phần mộ;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn của dịch vụ cung cấp trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Giá vốn chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân: Giá vốn chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân được ghi nhận phù hợp với phần doanh thu đã ghi nhận trong năm.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Chi phí tài chính khác.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ hoặc không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ để tính thuế và các khoản lỗ từ các năm trước mang sang, nếu có.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường và chủ yếu hoạt động trên địa bàn thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận. 

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	1.293.097.121	219.896.119
Tiền gửi ngân hàng	6.399.612.442	6.449.989.404
Tổng	7.692.709.563	6.669.885.523

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2021(VND)		01/01/2021(VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP MT cây xanh Nghi Lộc	838.200.404	-	1.013.466.123	-
Công ty MT cây xanh Diễn Châu	588.078.430	-	507.069.827	-
UBND Thành phố Vinh	853.520.478	-	1.172.415.465	-
Công ty CP Dịch vụ MT đô thị Hoàng Mai	322.429.000	322.429.000	322.429.000	322.429.000
Xã Kim Liên	242.150.000	-	226.300.000	-
Xã Xuân Hòa - Nam Đàn	194.425.000	-	216.295.000	-
UBND xã Xuân Lâm	-	-	207.980.000	-
Khách hàng khác	3.462.716.788	-	2.335.444.784	-
Tổng	6.501.520.100	322.429.000	6.001.400.199	322.429.000

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021(VND)		01/01/2021(VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Hoàng Minh	-	-	1.000.000.000	-
Công ty CP Chế biến gỗ và Xây dựng Hoàng Quân	-	-	4.600.000.000	-
Công ty CP Du lịch Môi trường Cửa Lò	1.512.000.000	-	-	-
Đối tượng khác	178.000.000	-	150.000.000	-
Tổng	1.690.000.000	-	5.750.000.000	-

(*) Khoản tạm ứng để triển khai hợp đồng số 06/2021/HĐKT ngày 31/12/2021 giữa Chủ đầu tư là UBND thành phố Vinh và nhà thầu là Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An về việc Cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố Vinh năm 2022. 

5.5 Nợ xấu

	31/12/2021(VND)		01/01/2021(VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty CP Dịch vụ MT đô thị Hoàng Mai	322.429.000	-	322.429.000	-
Tổng	322.429.000	-	322.429.000	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2021(VND)		01/01/2021(VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	172.950.468	-	28.663.088	-
Công cụ, dụng cụ	517.655.177	-	136.326.821	-
Chi phí SXKD dở dang (*)	22.316.475.701	-	32.689.859.362	-
Tổng	23.007.081.346	-	32.854.849.271	-

(*) Theo các quyết định giao đất của UBND tỉnh Nghệ An, UBND tỉnh Nghệ An giao đất cho Công ty CP Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An thực hiện một số dự án đầu tư xây dựng nghĩa trang nhằm phục vụ việc di dời mồ mã cho các dự án trên địa bàn Thành phố Vinh, đồng thời phục vụ chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân đã hoàn thành xây dựng hạ tầng cho các cá nhân có nhu cầu. Khoản chi phí SXKD dở dang trên là các chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng dở dang các nghĩa trang Nghi Kim, Nghi Liên và nghĩa trang Cồn Vàng. 

5.7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Đơn vị tính: VND	
						Tổng
Nguyên giá						
Số dư tại 01/01/2021	108.366.705.809	-	32.096.177.892	693.651.228		141.156.534.929
Tăng trong năm	3.379.636.244	-	10.929.845.727	425.176.364		14.734.658.335
- Mua trong năm	3.379.636.244	-	8.538.975.454	200.000.000		12.118.611.698
- Phân loại lại	-	-	-	225.176.364		225.176.364
- Sửa chữa lớn	-	-	2.390.870.273	-		2.390.870.273
Giảm trong năm	225.176.364	-	380.000.000	-		605.176.364
- Phân loại lại	225.176.364	-	-	-		225.176.364
- Giảm khác	-	-	380.000.000	-		380.000.000
Số dư tại 31/12/2021	111.521.165.689	-	42.646.023.619	1.118.827.592		155.286.016.900
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư tại 01/01/2021	10.480.483.757	-	23.982.860.826	575.742.594		35.039.087.177
Tăng trong năm	4.621.107.501	-	2.730.989.695	86.707.502		7.438.804.698
- Khấu hao trong năm	590.322.574	-	2.730.989.695	86.707.502		3.408.019.771
- Hao mòn trong năm (*)	4.019.119.408	-	-	-		4.019.119.408
- Tăng khác	11.665.518	-	-	-		11.665.518
Giảm trong năm	-	-	-	11.665.518		11.665.518
- Giảm khác	-	-	-	11.665.518		11.665.518
Số dư tại 01/01/2021	15.101.591.257	-	26.713.850.521	650.784.578		42.466.226.356
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2021	97.886.222.052	-	8.113.317.066	117.908.634		106.117.447.752
Tại ngày 31/12/2021	96.419.574.432	-	15.932.173.098	468.043.014		112.819.790.544

(*) Trong năm 2021, Công ty đã xác định hao mòn đối với tài sản cố định do Nhà nước giao quản lý, sử dụng không tính thành phần vốn của Nhà nước tại công ty.

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2021 là 1.321.925.938 VND (tại ngày 01/01/2021 là 900.572.794 VND). Nguyên giá TSCĐ hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 7.285.322.848 VND (tại ngày 01/01/2021 là 2.678.196.667 đồng).

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ, chi phí trả trước khác chờ phân bổ	-	2.404.207.455
Dài hạn	5.143.250.119	5.875.806.316
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.378.003.508	5.875.806.316
Sửa chữa tài sản cố định	3.001.199.355	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	764.047.256	-
Tổng	5.143.250.119	8.280.013.771

5.9 Phải trả người bán

	31/12/2021(VND)		01/01/2021(VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Hoàng Minh	818.476.000	818.476.000	-	-
Công ty CP Dịch vụ tổng hợp				
Thương mại Trường An	2.420.328.447	2.420.328.447	-	-
Các đối tượng khác	780.507.200	780.507.200	32.000.000	32.000.000
Tổng	4.019.311.647	4.019.311.647	32.000.000	32.000.000

5.10 Thuế và các khoản nộp nhà nước Phải nộp

	01/01/2021 VND	Phải nộp VND	Đã nộp VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.746.110.913	6.631.786.677	7.504.946.344	1.872.951.246
Thuế thu nhập doanh nghiệp	50.759.105	161.309.119	80.759.105	131.309.119
Thuế thu nhập cá nhân	10.008.701	-	10.008.701	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	259.202.160	259.202.160	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	184.268.970	772.884.283	184.268.970	772.884.283
Tổng	2.991.147.688	7.825.182.239	8.039.185.280	2.777.144.648

Phải thu

	01/01/2021 VND	Đã thu VND	Phải thu VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng		340.327.432	3.935.294.547	3.594.967.115
Thuế thu nhập doanh nghiệp	69.033.000		-	69.033.000
Tổng	69.033.000	340.327.432	3.935.294.547	3.664.000.115

5.11 Phải trả công nhân viên

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả người lao động (*)	(686.578.564)	(6.220.148.066)
Tổng	(686.578.564)	(6.220.148.066)

(*) Tại ngày 31/12/2021, số dư tài khoản Phải trả người lao động âm 686.578.564 đồng do công ty hạch toán thiếu chi phí tiền lương phải trả người lao động các năm trước năm 2021 với số tiền là 3.300.000.000 đồng

5.12 Chi phí phải trả

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	154.629.333
Tiền thuê xe (vận chuyển, hút bùn, ủi)	755.100.000	1.717.480.800
Tiền lương	-	837.989.000
Chi phí phải trả khác	596.706.719	1.236.441.118
Tổng	1.351.806.719	3.946.540.251

5.13 Phải trả khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	(934.683.265)	(928.301.444)
Bảo hiểm xã hội	852.157.102	-
Thuế GTGT của XNNT	(3.880.000)	(3.880.000)
Thu giá dịch vụ quyết toán năm sau (*)	10.289.616.412	5.411.745.574
Công trình nghĩa trang Nghi Kim, Nghi Liên và Cồn Vàng (**)	34.378.671.264	37.583.165.264
Chi phí xử lý bãi rác Đông Vinh	-	-
Kinh phí xử lý rác của XN Dịch vụ	952.315.146	747.669.354
Kinh phí phòng cháy chữa cháy KLH	200.000.000	-
Kinh phí phòng chống covid	182.358.000	-
Tạm thu đặt cọc	130.000.000	-
Các khoản phải trả khác	950.190.335	1.833.827.861
Tổng	46.996.744.994	44.644.226.609

(*) Số tiền thu giá dịch vụ trên là giá trị thu từ 20/12/2021 đến ngày 31/12/2021. Hàng năm, Công ty quyết toán và nộp tiền thu giá dịch vụ từ 20/12 đến ngày 19/12 năm sau. Số tiền thu giá dịch vụ trên sẽ được quyết toán và nộp trong năm 2022.

(**) Giá trị ứng trước của khách hàng để nhận chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân tại các nghĩa trang Nghi Kim, Nghi Liên và nghĩa trang Cồn Vàng.

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2021(VND)		Phát sinh trong năm (VND)		01/01/2021(VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Trần Thị Hoa	-	-	-	730.000.000	730.000.000	730.000.000
Lê Thị Mai	-	-	-	50.000.000	50.000.000	50.000.000
Lê Thị Hồng Kỳ	-	-	-	430.000.000	430.000.000	430.000.000
Vay dài hạn						
Hoàng Thị Hồng	1.380.424.662	1.380.424.662	990.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000
				2.814.337.238	3.204.761.900	3.204.761.900
				2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*)	990.000.000	990.000.000	990.000.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV tài chính TOYOTA Việt Nam (**)	390.424.662	390.424.662	-	314.337.238	704.761.900	704.761.900
Tổng	1.380.424.662	1.380.424.662	990.000.000	3.544.337.238	3.934.761.900	3.934.761.900

(*) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số: 01/2021/8142103/HĐTD; Hạn mức tín dụng: 4.000.000.000 đồng; Thời hạn: 60 tháng; Lãi suất: 10,5%; Mục đích vay: cho vay đầu tư tài sản cố định; Tài sản đảm bảo: Xe ô tô tải Forland Thaco FD 490. BKS: 37C-410.04 và xe ô tô tải Forland Thaco FD 250. BKS: 37C-408.57

(**) Khoản vay theo HĐ tín dụng số 1000455812 ngày 14/02/2020; Mục đích: mua xe ô tô; Số tiền: 800.000.000 đồng; Thời hạn: 84 tháng; Lãi suất: 6,99%/năm. Đ

5.15 Vốn chủ sở hữu*a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân	Đơn vị tính: VND
				Tổng
Số dư ngày 01/01/2020	36.699.990.000	248.247.354	262.238.794	37.210.476.148
Lãi năm trước	-	-	600.520.220	600.520.220
Chia cổ tức	-	-	(262.238.794)	(262.238.794)
Trích lập quỹ	-	90.078.033	(300.260.110)	(210.182.077)
Số dư ngày 31/12/2020	36.699.990.000	338.325.387	300.260.110	37.338.575.497
Số dư ngày 01/01/2021	36.699.990.000	338.325.387	300.260.110	37.338.575.497
Lãi năm nay	-	-	645.236.477	645.236.477
Chia cổ tức (*)	-	-	(300.260.110)	(300.260.110)
Trích lập quỹ (**)	-	96.785.473	(322.618.238)	(225.832.766)
Số dư ngày 31/12/2021	36.699.990.000	435.110.860	322.618.238	37.457.719.098

(*) Theo Nghị quyết số 05/NQ-ĐHCD ngày 30/06/2021 của Đại hội cổ đông và Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐQT ngày 5/7/2021 của Hội đồng quản trị, Công ty đã thực hiện chia cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 0,81% tương đương 300.260.110 đồng và trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền lần lượt là 90.078.033 đồng và 210.182.077 đồng.

(**) Công ty trích lập Quỹ đầu tư phát triển với số tiền 96.785.473 đồng và Quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền 225.832.767 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm 2021 tương ứng tỷ lệ lần lượt là 15%, 35% căn cứ vào Nghị quyết số 05/NQ-ĐHCD ngày 30/06/2021.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Vốn góp của UBND tỉnh Nghệ An	29.652.990.000	29.652.990.000
Vốn góp của cán bộ công nhân viên Công ty	7.047.000.000	7.047.000.000
Tổng	36.699.990.000	36.699.990.000

c) Các giao dịch về vốn

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	36.699.990.000	36.699.990.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	36.699.990.000	36.699.990.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	300.260.110	262.238.794

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)*d) Cổ tức*

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	0,81%	0,71%

e) Cổ phiếu

	<u>31/12/2021</u> <u>Cổ phiếu</u>	<u>01/01/2020</u> <u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.669.999	3.669.999
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.669.999	3.669.999
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.669.999	3.669.999
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

5.16 Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ đầu năm	79.608.377.483	86.525.008.067
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ tăng trong năm	4.194.937.000	
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ giảm trong năm	4.019.119.408	6.916.630.584
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ cuối năm (*)	<u>79.784.195.075</u>	<u>79.608.377.483</u>

(*) Tài sản cố định hình thành từ nguồn kinh phí này là Khu liên hợp xử lý rác thải Nghi Yên và một số tài sản khác liên quan. Các tài sản này được UBND tỉnh Nghệ An giao cho Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An quản lý, không tính là thành vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và được tính hao mòn theo quy định.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	101.310.750.168	75.553.467.564
Doanh thu chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân	20.150.485.023	18.962.712.206
Tổng	<u>121.461.235.191</u>	<u>94.516.179.770</u>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	84.320.693.606	63.270.285.809
Giá vốn chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân	16.347.833.292	15.115.267.973
Tổng	100.668.526.898	78.385.553.782

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	12.408.717	13.214.994
Tổng	12.408.717	13.214.994

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	219.470.559	430.317.169
Tổng	219.470.559	430.317.169

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.322.165.990	6.776.557.446
Chi phí vật liệu quản lý	461.524.268	436.122.939
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.150.259.328	902.663.368
Chi phí khấu hao TSCĐ	749.056.228	535.062.282
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.529.839.247	1.016.626.730
Chi phí bằng tiền khác	5.333.737.805	6.242.823.922
Tổng	19.546.582.866	15.909.856.687

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu xử lý rác	-	874.492.150
Thu nhập khác	71.823.032	32.520.050
Tổng	71.823.032	907.012.200

6.7 Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Truy thu thuế TNDN	170.864.000	-
Chi phí khác	133.477.021	12.400.000
Tổng	304.341.021	12.400.000

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	806.545.596	698.279.326
- Chi phí không được trừ khác	-	-
- Chuyển lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	806.545.596	698.279.326
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	161.309.119	139.655.865
Thuế TNDN được giảm theo quy định của NB 92/2021-	-	41.896.760
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp	161.309.119	97.759.106

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	645.236.477	600.520.220
Các khoản điều chỉnh giảm		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(225.832.766)	(210.182.077)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	419.403.711	390.338.143
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	3.669.999	3.669.999
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	114,28	106,36

6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.883.942.652	7.107.505.517
Chi phí nhân công	63.713.030.324	45.295.890.268
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.408.019.771	2.961.624.208
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.401.450.170	26.498.162.617
Chi phí khác bằng tiền	16.684.142.896	12.643.756.752
Tổng	104.090.585.813	94.506.939.362

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin các bên liên quan

a) Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác:

Hội đồng Quản trị	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Nguyễn Chí Thông	Chủ tịch HĐQT	220.406.000	95.170.000
Phú Văn Phụng	Thành viên HĐQT (Giám đốc)	196.951.000	201.762.000
Phạm Văn Dương	Thành viên HĐQT (Phó giám đốc)	162.493.000	174.997.000
Nguyễn Công Đức	Thành viên HĐQT (Phó giám đốc)	158.158.460	164.915.000
Phạm Quang Dự	Thành viên HĐQT (Kế toán trưởng)	163.514.000	165.120.000
Tổng cộng		901.522.460	801.964.000

Ban kiểm soát	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Nguyễn Thị Ngọc Thủy	Trưởng ban kiểm soát	65.805.000	-
Lê Thị Tuyết Dung	Kiểm soát viên	107.337.000	105.717.410
Hoàng Nghĩa Chiến	Kiểm soát viên	49.683.000	-
Tổng cộng		157.020.000	105.717.410

b) Số dư với Bên liên quan

Khoản mục/Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
Tạm ứng		4.360.000.000	135.000.000
Nguyễn Công Đức	Phó Giám đốc	4.360.000.000	135.000.000

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT với ý kiến ngại trừ.

CTCP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH

ĐÔ THỊ NGHỆ AN

